

---

# PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU TẠI CÁC HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ THÁI HÒA, TỈNH NGHỆ AN

**Lê Thị Bích**

*Sinh viên Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Email: lebich0905@gmail.com*

**Nguyễn Thị Ngọc Thương**

*Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Email: ngocthuong285@gmail.com*

Mã bài: JED-250

Ngày nhận: 19/06/2021

Ngày nhận bản sửa: 21/07/2021

Ngày duyệt đăng: 28/07/2021

## **Tóm tắt**

Cao su là cây trồng chủ lực với trên 68% tổng diện tích cây lâu năm tại thị xã Thái Hòa. Những năm gần đây, do giá mủ liên tục giảm nên tổng diện tích cây cao su của thị xã giữ ổn định là 1.191 ha. Kết quả điều tra 60 hộ nông dân sản xuất cao su cho thấy diện tích trồng cao su tại các hộ tăng, quy mô trên 2 ha/hộ, năng suất cao 1,74 tấn/ha. Dù thu nhập hàng năm từ mủ cao su hiện nay rất thấp nhưng đây là cây đa mục tiêu, đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường lâu dài. Nghiên cứu chỉ ra rằng các yếu tố như điều kiện đất đai, năng lực sản xuất cao su của hộ và thị trường tiêu thụ ảnh hưởng đến phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân. Từ đó, các nhóm giải pháp được đề xuất bao gồm nâng cao năng lực sản xuất cao su của hộ nông dân, nâng cao hiệu quả kinh tế ngành và đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi cho nông dân trồng cao su.

**Từ khóa:** Cây cao su, Nghệ An, phát triển, sản xuất, Thái Hòa

**Mã JEL: D24**

## **Developing rubber tree production at farm households in Thai Hoa town, Nghe An province**

### **Abstract:**

Rubber is a key crop with over 68% of the total area of perennial crops in Thai Hoa town. In recent years, due to the continuous decrease in latex prices, the total area of rubber trees in Thai Hoa has remained stable at 1,191 hectares. The survey results of 60 rubber farming households show that the household's rubber area increased, with a scale of over 2 ha/household, high yield of 1.74 tons/ha. Although the annual income from rubber latex was very low, this was a multi-purpose tree, bringing long-term economic, social and environmental benefits. The study reveals that determinants such as soil conditions, rubber production capacity of households and consumption markets affected the development of rubber tree production in farmers' households. Therefore, the proposed solutions included improving the rubber production capacity of farmers, improving the economic efficiency of the rubber industry and diversifying crops and livestock for rubber farmers.

**Keywords:** Rubber tree, Nghe An, development, production, Thai Hoa

**JEL Code: D24**

---

## 1. Đặt vấn đề

Cao su là cây công nghiệp lâu năm, sản phẩm của nó chủ yếu dùng làm nguyên liệu cho ngành sản xuất ô tô, hàng tiêu dùng, công nghiệp y tế và đồ gỗ nội ngoại thất. Từ lâu Việt Nam đã hình thành nhiều vùng trồng cao su tập trung quy mô lớn như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ... (Trần Đức Viên, 2008). Cùng với tăng về sản lượng, năng suất cây cao su của Việt Nam cũng tăng đáng kể, nhờ áp dụng các giống cao sản và tiến bộ trong kỹ thuật trồng và chăm sóc.

Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất cây cao su. Cây cao su đã trở thành cây công nghiệp trọng điểm của địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập của hộ nông dân trồng cao su (Ủy Ban nhân dân thị xã Thái Hòa, 2020). Tuy nhiên, việc phát triển sản xuất cao su của các hộ nông dân vẫn gặp phải không ít khó khăn thách thức, đặc biệt là vấn đề về kỹ thuật canh tác, giá cả và thị trường, gây ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân.

Nghiên cứu này tập trung đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân trên địa bàn thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu phát triển sản xuất cây cao su nhằm nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân sản xuất cao su ở địa phương.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Cao su có nguồn gốc ở lưu vực sông Amazon, Nam Mỹ. Năm 1897, cây cao su bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam. Đến năm 1975, cây cao su đã được đưa vào trồng ở Nghệ An. Tuổi thọ kinh tế của cây cao su khoảng 32 năm gồm 7 năm kiến thiết cơ bản và 25 năm khai thác mủ. Vào cuối đời, gỗ cao su có giá trị như một loại gỗ cứng nhiệt đới, được sử dụng cho đồ nội thất, ván dăm và nhiên liệu. Việt Nam là nước đứng thứ 3 về sản xuất cao su trên thế giới, chiếm khoảng 7,7% tổng sản lượng toàn cầu và khoảng 5,6% tổng diện tích trồng cao su trên thế giới (Nguyễn Thị Thu Hằng, 2020).

Có nhiều nghiên cứu cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của cây cao su trong hai thập kỷ qua ở các vùng miền trong cả nước theo định hướng của Tập đoàn cao su Việt Nam. Trần Đức Viên (2008), Tô Xuân Phúc & Đặng Việt Quang (2017) đã chỉ ra những thách thức và rủi ro của việc phát triển ồ ạt dẫn đến thặng dư diện tích so với quy hoạch, làm giá thế giới sụt giảm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến ngành cao su nói chung và thu nhập của hộ trồng cao su nói riêng. Theo báo cáo của Anh Bình & Văn Lý (2021), vẫn còn nhiều vấn đề cần được thảo luận để tìm hướng đi lâu dài cho nông dân trồng cao su ở Bắc Trung Bộ, trong đó xem xét có nên giữ vườn cây tiếp tục khai thác hay thanh lý và chuyển sang cây trồng khác? Vì vậy, nghiên cứu phát triển sản xuất cao su là cần thiết với thực tiễn của thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Đề tài phỏng vấn 60 hộ nông dân đang sản xuất cao su tại 3 đội gồm Hưng Tây, Hưng Xuân và Hưng Nam. Các đội này đều thuộc nông trường duy nhất của thị xã là Nông trường Tây Hiếu I của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) cà phê cao su Nghệ An. Đây là những đội có điều kiện thuận lợi trồng cây cao su, có chất lượng mủ cao su tốt, diện tích trồng cao su lớn và gần vị trí xưởng cao su của Công ty.

### 3.2. Phương pháp thu thập số liệu

Nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ các bài báo, báo cáo, thông tin công bố trên internet. Nguồn số liệu sơ cấp được thu thập từ 60 mẫu điều tra hộ nông dân ở 3 đội, mỗi đội chọn ngẫu nhiên 20 hộ, bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp được chuẩn bị từ mẫu phiếu điều tra.

### 3.3. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được tổng hợp và xử lý thông qua phần mềm Excel theo những nội dung đã được xác định. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng với các chỉ tiêu số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, thực hiện phân tổ các hộ. Phương pháp so sánh được áp dụng để so sánh diện tích trồng cao su, năng suất, sản lượng, nguồn vốn đầu tư, chi phí, hiệu quả trong sản xuất ... Trên cơ sở đó có những nhận định, đánh giá về thực trạng phát triển sản xuất cây cao su trên địa bàn nghiên cứu.

## 4. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Thực trạng phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân trên địa bàn thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

#### 4.1.1. Tình hình chung phát triển sản xuất cây cao su ở thị xã Thái Hòa

Tổng diện tích cây cao su của thị xã giữ ổn định là 1.191 ha qua 3 năm 2018-2020, chiếm trên 68% tổng diện tích trồng cây lâu năm của thị xã (còn lại là diện tích trồng bưởi, cam, chè, bơ và cà phê). Diện tích này bao gồm cả cao su trong thời kỳ kiến thiết cơ bản (KTCB) và thời kỳ sản xuất kinh doanh (SXKD). Một thực tế diễn ra là các hộ nông dân có thể xin khoán đất sản xuất của Nông trường Tây Hiếu 1, trong khi một số hộ trả khoán lại nông trường do thanh lý cao su già cỗi hoặc chuyển sang ngành nghề khác. Ngoài ra, một số hộ tự trao đổi đất cho nhau hoặc chuyển đổi diện tích đất cần, kinh tế thấp sang phát triển sản xuất cây cao su.

Năng suất bình quân khai thác mủ cao su của các vườn cây không ổn định dẫn đến sản lượng mủ cao su thu được là khác nhau. Sản lượng mủ cao su năm 2019 đạt 660 tấn, bằng 95% so với năm 2018. Sang năm 2020, sản lượng mủ cao su đạt 705 tấn, bằng 106,8% so với năm 2019.

Những năm gần đây, giá cao su thế giới xuống thấp và kéo dài, lượng cao su tự nhiên sử dụng trong nước ít, chủ yếu để xuất khẩu. Thêm nữa, năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch COVID, việc xuất khẩu cao su của Việt Nam bị ảnh hưởng nên người dân vẫn đang sản xuất cầm chừng đối với loại cây trồng này. Mặc dù vậy, việc phát triển cây cao su cần có cái nhìn khách quan. Đây là cây trồng đa mục tiêu, có chu kỳ thu hoạch kéo dài hàng chục năm. Kết thúc thu hoạch, cây cao su còn cho gỗ với giá bán hàng trăm triệu đồng/ha... Điều này đã được nhấn mạnh trong định hướng phát triển bền vững vùng đất ba-dan Phủ Quý đối với cây cao su của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An (Thành Châu, 2018).

Ngoài ra, trong quy hoạch xây dựng Thái Hòa thành đô thị loại III trước năm 2025, thành phố trực thuộc tỉnh trước năm 2030, địa phương xác định phát triển từng bước hướng đến đô thị sinh thái và phát triển đầu tư kinh doanh (Thành Duy, 2021). Thị xã đang triển khai Quy hoạch chung thị xã đến năm 2040 và lập quy hoạch các phân khu xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong chế biến lâm sản công nghệ cao,... Trong đó có sử dụng quỹ đất cho thu hút đầu tư các dự án, chủ yếu là đất của Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ An, do đó có sự cạnh tranh với đất trồng cao su, tuy nhiên, địa phương sẽ tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội đô thị, qua đó góp phần hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho phát triển sản xuất cao su.

#### 4.1.2 Thực trạng phát triển sản xuất cây cao su ở các hộ điều tra

Diện tích trồng cao su ở các hộ

**Bảng 1: Diện tích trồng cao su của các hộ nông dân giai đoạn 2018-2020**

*DVT: ha/hộ*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Phát triển bình quân
<b>Bình quân chung</b>	<b>1,75</b>	<b>2,06</b>	<b>2,23</b>	<b>112,88</b>
<b>I. Chia theo đội</b>				
1. Hưng Tây	1,53	2,12	2,23	120,73
2. Hưng Nam	1,95	2,15	2,39	110,71
3. Hưng Xuân	1,76	1,92	2,08	108,71
<b>II. Chia theo quy mô</b>				
1. Từ 2 ha trở xuống	1,27	1,51	1,56	110,83
2. Trên 2 ha	2,51	2,84	2,91	107,67

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2021).*

*Trồng giống cao su mới tại các hộ điều tra.*

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 60 hộ sản xuất cao su tại ba đội sản xuất. Kết quả từ Bảng 1 cho thấy diện tích trồng cao su của các hộ điều tra có xu hướng tăng lên, tốc độ tăng bình quân đạt 12,88%/năm trong giai đoạn 2018-2020. Năm 2020, đội Hưng Nam có quy mô trồng cao su lớn nhất với bình quân 2,39 ha/hộ, tiếp đó là đội Hưng Tây với 2,23 ha/hộ, và đội Hưng Xuân có quy mô thấp nhất là 2,08 ha/hộ. Xét về quy mô, hầu hết các hộ có quy mô hơn 2 ha. Nguyên nhân là do đặc điểm có cây cao su có trồng lâu năm, thời kỳ kiến thiết cơ bản kéo dài vì thế mà hộ thường lựa chọn trồng quy mô lớn để tiện công đầu tư hơn so với trồng ít.

Cao su là cây lâu năm nên thời gian chọn tạo giống rất dài (trên 20 năm) và rất tốn kém. Việc chọn giống sẽ quyết định tới năng suất, chất lượng mủ cao su. Kết quả Bảng 2 cho thấy nhiều hộ trên địa bàn áp dụng

giống cao su mới với mục đích nâng cao năng suất canh tác. Ngoài 2 giống cao su truyền thống đang cho thu hoạch là giống PB-260 và giống GT-1, hiện nay đã có nhiều hộ áp dụng trồng bổ sung giống mới PB-235. Đây là giống sinh trưởng khỏe, chất lượng mủ cao, và có năng suất gổ cao. Đội Hưng Nam có 40% số hộ điều tra sử dụng giống mới vào sản xuất, con số này của đội Hưng Tây là 25% và đội Hưng Xuân là 10% số hộ điều tra của đội.

**Bảng 2: Tình hình sử dụng giống cây cao su mới tại các hộ nông dân**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hưng Tây (n=20)	Hưng Nam (n=20)	Hưng Xuân (n=20)	Tổng
Số hộ trồng giống mới PB-235	Hộ	5	8	2	15
Tỷ lệ trồng giống mới	%	25,00	40,00	10,00	25,00
Diện tích sử dụng giống mới tăng lên	Ha	4,50	6,16	1,62	12,28

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2021).*

*Năng suất mủ cao su của các hộ điều tra.*

Kết quả cho thấy, năm 2020, đội Hưng Nam có năng suất mủ cao su cao nhất với 1,83 tấn/ha, đội Hưng Xuân với 1,71 tấn/ha và thấp nhất là đội Hưng Tây với 1,68 tấn/ha. Như vậy, năng suất mủ cao su bình quân tại các hộ điều tra là 1,74 tấn/ha, con số này cao hơn mức năng suất cao su bình quân của cả Việt Nam (1,68 tấn/ha). Ngoài ra, con số này cũng cao hơn năng suất cao su bình quân của vùng Tây Nguyên (1,41 tấn/ha), miền Trung (1,24 tấn/ha), miền Bắc (0,73 tấn/ha) nhưng thấp hơn năng suất cao su ở Đông Nam Bộ (1,86 tấn/ha) (Nguyễn Thị Thu Hằng, 2020).

#### *Chi phí trong sản xuất cây cao su*

Bảng 3 cho thấy tổng chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản ở các hộ điều tra dao động từ 31-33 triệu đồng/ha và bình quân là 32,4 triệu đồng/ha. Khi xem xét mức chi phí từng hạng mục giữa các đội thì chi phí lớn nhất trong giai đoạn kiến thiết cơ bản của cây cao su là chi phí vật tư (khoảng 60%). Canh tác cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản ở các đội không mang tính cơ giới hóa cao mà sử dụng lao động phổ thông nên mức chi phí thuê lao động phụ thuộc vào số công và giá nhân công mà hộ thuê.

**Bảng 3: Chi phí cho cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản tại các hộ nông dân\***

*ĐVT: Nghìn đồng/ha*

Chỉ tiêu	Hưng Tây	Hưng Nam	Hưng Xuân	Bình quân
I. Chi phí trung gian	18.783	19.183	19.203	19.056
1. Làm đất	5.500	5.500	5.500	5.500
2. Giống	3.400	3.650	3.500	3.517
3. Phân hữu cơ	1.450	1.450	1.450	1.450
4. Phân hóa học	7.500	7.650	7.820	7.657
5. Vôi	933	933	933	933
II. Chi phí thuê lao động	11.563	12.281	10.454	11.433
III. Chi phí khác	1.995	1.899	1.923	1.939
<b>Tổng chi phí KTCB</b>	<b>32.341</b>	<b>33.363</b>	<b>31.580</b>	<b>32.428</b>

*Chú thích: \* Chi phí được tính theo giá trị danh nghĩa*

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2021).*

Trong thời kỳ sản xuất kinh doanh cây cao su, các loại chi phí bao gồm: chi phí nhân công, chi phí phân bón và hóa chất, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao giá trị vườn cây. Sở dĩ có phần khấu hao giá trị vườn cây là do cây cao su thuộc cây công nghiệp dài ngày và được xem như là tài sản cố định của quá trình sản xuất kinh doanh cây cao su.

Theo Bảng 4, chi phí bình quân 1 năm trong thời kỳ sản xuất kinh doanh của cao su là 7,1 triệu đồng/ha. Đối với thời kỳ sản xuất kinh doanh của cây cao su, chi phí trung gian đồng đều do chi phí vật tư, dụng cụ sản xuất đều được sử dụng theo tiêu chuẩn của Công ty, giá cả là thống nhất chung trên các địa bàn. Ngoài

ra, chi phí thuê lao động thời kỳ này chủ yếu tập trung vào nhân công cạo mù, lấy mù. Đây là lực lượng lao động có tay nghề chung trên địa bàn thị xã nên mức giá cũng đồng đều cho cả ba đội. Còn lao động gia đình chủ yếu làm các công việc như làm cỏ, chăm bón cây...

**Bảng 4: Chi phí cho cao su thời kỳ sản xuất kinh doanh tại các hộ nông dân**

*ĐVT: Nghìn đồng/ha/năm*

Chỉ tiêu	Hưng Tây	Hưng Nam	Hưng Xuân	Bình quân
1. Chi phí trung gian	3.022	3.237	3.119	3.126
- Chi phí vật tư, thuốc bảo vệ thực vật	2.491	2.742	2.616	2.616
- Chi phí khác	531	495	503	510
2. Chi phí thuê lao động	2.300	2.645	2.100	2.348
3. Khấu hao tài sản cố định	1.617	1.668	1.579	1.621
<b>Tổng chi phí SXKD</b>	<b>6.939</b>	<b>7.550</b>	<b>6.798</b>	<b>7.095</b>

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2021).*

#### *Thị trường tiêu thụ mủ cao su*

Tình hình thị trường đầu ra cho sản phẩm mủ cao su của các hộ hiện nay tương đối đảm bảo. Tham gia thu mua sản phẩm mủ cao su của các hộ nông dân trên địa bàn hiện nay gồm có Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ An và các thương lái địa phương. Để khuyến khích các hộ dân trồng cao su trên đất Nông trường Tây Hiếu 1, Công ty đã có nhiều chính sách ưu đãi cho các hộ sản xuất như: hỗ trợ vốn, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ vật tư và phân bón theo hình thức cho vay trong quá trình sản xuất với giá cả phù hợp và tiền nợ được trừ dần qua các tháng họ bán mủ cho Công ty.

Việc bán mủ cao su của các hộ gia đình trồng cao su cho Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ An được thực hiện theo hợp đồng giữa hai bên, giá cả được 2 bên thỏa thuận trong hợp đồng vào đầu vụ thu hoạch mủ, dựa theo giá thị trường, đảm bảo nguồn lãi nhất định cho bà con sản xuất. Tuy nhiên, giá thu mua mủ của Công ty thường thấp hơn giá thị trường từ 3.000 đồng – 5.000 đồng/kg do Công ty phải bù đắp chi phí quản lý, chi phí thu gom, bảo quản sơ, vận chuyển, hao hụt, các khoản đóng góp xã hội... Do vậy, nông dân vẫn thường bán ra ngoài nhiều, đặc biệt là những hộ không có ràng buộc hợp đồng với Công ty. Tại thời điểm điều tra, giá mủ cao su giao động từ 11.000 đồng – 15.000 đồng/kg, tính bình quân giá bán ở tất cả các đội là 12.500 đồng/kg.

Xét trên thị trường thế giới, Việt Nam là nước đứng thứ 3 về sản xuất cao su tự nhiên. Tuy nhiên, lượng cao su tiêu thụ nội địa để chế biến sâu vẫn còn thấp, khoảng 18,6% sản lượng quốc gia. Do đó, Việt Nam có

**Bảng 5: Kết quả và hiệu quả trong sản xuất cao su năm 2020**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hưng Tây	Hưng Nam	Hưng Xuân	BQ chung
<b>1. Kết quả</b>					
Giá trị sản xuất (GO)	1000đ	21.000	22.875	21.375	21.750
Chi phí trung gian (IC)	1000đ	3.022	3.237	3.119	3.126
Giá trị gia tăng (VA)	1000đ	17.978	19.638	18.256	18.624
Thu nhập hỗn hợp (MI)	1000đ	14.061	15.325	14.577	14.655
Lao động gia đình (L)	Công	54	49	57	53
<b>2. Hiệu quả</b>					
GO/IC	Lần	6,95	7,07	6,85	6,96
VA/IC	Lần	5,95	6,07	5,85	5,96
MI/IC	Lần	4,65	4,73	4,67	4,69
MI/L	1000đ/công	260,39	312,76	255,74	276,51

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2021).*

---

ít ảnh hưởng chi phối giá cao su tự nhiên trên thị trường thế giới. Hiện nay, các mặt hàng xuất khẩu chính cao su tự nhiên chủ yếu là sản phẩm thô, nguyên khối, xuất sang thị trường trên 30 quốc gia như Trung Quốc (67,8%), Ấn Độ (9,1%), Hàn Quốc (3,2%),... (Nguyễn Thị Thu Hằng, 2020).

#### *Kết quả và hiệu quả trong sản xuất cây cao su*

Kết quả tại Bảng 5 cho thấy: Bình quân 1 ha cao su cho giá trị sản xuất (GO) là 21,75 triệu đồng. Sau khi trừ các chi phí, thu nhập hỗn hợp (MI) thu được bình quân là 14,7 triệu đồng/ha. Trong đó, thu nhập hỗn hợp cao nhất là đội Hưng Nam (15,3 triệu đồng/ha), tiếp sau đó là đội Hưng Xuân (14,6 triệu đồng/hộ) và thấp nhất là đội Hưng Tây (14,1 triệu đồng/hộ).

Xét về hiệu quả trong sản xuất cao su: bình quân cho các nhóm hộ trồng cao su hiện nay có MI/IC đạt 4,7 lần, cho thấy: nếu bỏ ra 1 đồng chi phí trung gian thì các hộ sản xuất cây cao su sẽ thu lại được 4,7 đồng thu nhập hỗn hợp. Bên cạnh đó, công lao động gia đình của các hộ cao su hiện nay cũng khá cao, đạt bình quân 277 nghìn đồng/công lao động. Đội Hưng Nam đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, giá trị MI/IC cao nhất do nhóm hộ này đầu tư nhiều vào sản xuất nên năng suất cao hơn. Công lao động gia đình của đội Hưng Nam đạt 313 nghìn đồng/công, cao hơn 53 nghìn đồng/công so với đội Hưng Tây và cao hơn gần 57 nghìn đồng/công so với đội Hưng Xuân.

#### *4.1.3. Đánh giá về các hiệu quả trong sản xuất cây cao su*

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập hỗn hợp của nông dân Thái Hòa rất khiêm tốn, bởi giá mủ cao su năm 2020 chỉ còn 12.500 đồng/kg (trong khi thời điểm trước năm 2010 giá mủ cao su đạt mức cao nhất là 80.000 đồng/kg). Với giá này, thu nhập bình quân từ cây cao su của các hộ khoảng trên 3 triệu đồng/tháng. Đầu năm 2016, giá mủ giảm sâu dẫn đến một số diện tích cao su trong nước bị chuyển đổi sang các cây trồng khác như cam, bưởi, cà phê, ngô, mía, dứa... Trần Đức Viên (2008) cho rằng, nếu chỉ sản xuất mủ nguyên liệu thì so với các loại cây trồng dài ngày khác cùng một vùng sinh thái, cây cao su có vị trí khá khiêm nhường: thấp hơn cây ăn quả, tiêu, cà phê. Cây cao su hiện nay cũng đang trở thành cây trồng yếu thế so với các loại cây trồng khác như ngô, sắn, đậu tương. Thu nhập từ cao su chỉ tương đương 70% thu nhập từ mỗi ha ngô hoặc sắn (Tô Xuân Phúc & Đặng Việt Quang, 2017).

Tuy vậy, cây cao su được xem là cây đa mục tiêu, ngoài những lợi ích về kinh tế lâu dài như góp phần đa dạng hóa sản xuất, phát triển các hoạt động bảo quản thu mua, xuất khẩu tạo ra nhiều việc làm, cao su còn là loại cây rừng mang tính bền vững giúp cải tạo tốt môi trường sinh thái và cảnh quan. Sau khi kết thúc chu kỳ khai thác khoảng 25 năm, số cao su này được thanh lý trở thành rừng gỗ quý đưa vào khai thác chế biến gỗ ván ép, gỗ MDF, sản xuất đồ mộc dân dụng và xuất khẩu với giá trị kinh tế cao (Thành Châu, 2018; Anh Bình & Văn Lý, 2021).

### **4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân trên địa bàn thị xã Thái Hòa**

#### *4.2.1. Điều kiện đất đai của địa phương*

Theo kết quả nghiên cứu, đại đa số các hộ trồng cao su cho rằng diện tích đất hiện có của hộ là quá nhỏ, gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh với quy mô lớn. Các hộ muốn mở rộng quy mô cũng không còn đủ đất để mở rộng. Trong những năm gần đây, chính quyền địa phương đã có nhiều chương trình, chính sách khuyến khích các hộ dân nhận khoán đất trồng từ nông trường Tây Hiếu 1. Nhưng cũng tồn tại không ít khó khăn như đất vườn cao su nằm xa đường giao thông, đi lại khó khăn, ... ảnh hưởng đến việc cạo mủ cũng như trút mủ cao su.

Hiện nay, do hiệu quả hàng năm thấp nên các hộ dân tại thị xã Thái Hòa vẫn sản xuất cầm chừng. Dù nhiều hộ giữ nguyên hoặc tăng diện tích trồng, nhưng một số hộ bỏ hoang, không khai thác hoặc thanh lý sớm vườn cây cao su rồi chuyển sang canh tác cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn, ngắn ngày hơn như cam, ngô. Ngoài ra, diện tích trồng cao su đang bị cạnh tranh với mục đích sử dụng đất phục vụ quá trình công nghiệp hóa – đô thị hóa (CNH-ĐTH) theo chủ trương xây dựng thị xã Thái Hòa trở thành thành phố trực thuộc tỉnh trước năm 2030. Đây là chủ trương lâu dài theo xu hướng phát triển chung.

#### *4.2.2. Năng lực sản xuất cao su của hộ nông dân*

##### *Trình độ và khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật mới*

Mức độ áp dụng khoa học công nghệ và tiếp cận các nguồn thông tin khoa học kỹ thuật mới ở các đội sản

xuất cây cao su hiện nay còn khá hạn chế, một phần do thông tin kỹ thuật còn thiếu hoặc chưa chất lượng, một phần do trình độ học vấn của chủ hộ. Nhiều năm nay, nguồn cung cao su tự nhiên thế giới dư thừa nên giá giảm, tuy nhiên một số nông dân vẫn tự phát trồng thêm cao su. Một số chủ hộ chia sẻ rằng họ mới chỉ tốt nghiệp cấp 2, phát triển nông lâm nghiệp chủ yếu chỉ dựa vào kinh nghiệm và học hỏi qua tivi đài báo chứ chưa có cơ hội được tham gia các lớp học bài bản.

Nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật được thực hiện trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất và chế biến, bao gồm chọn tạo giống, quy trình kỹ thuật canh tác, chăm bón cho từng thời kỳ, kỹ thuật cạo mủ. Tỷ lệ trồng giống cao su mới năng suất cao ở các hộ điều tra mới chiếm 25%. Chi phí thuê công nhân cạo mủ chiếm đến trên 30% tổng chi phí SXKD. Do vậy, trình độ và khả năng tiếp thu có ảnh hưởng lớn đến việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các quy trình sản xuất mới vào trong sản xuất cây cao su, làm giảm hiệu quả sản xuất cây cao su.

#### *Nguồn vốn sản xuất*

Vốn là đầu vào quan trọng cho phát triển sản xuất cao su, là điều kiện cần thiết để tiến hành sản xuất, đầu tư thâm canh, mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất từ kiến thiết cơ bản đến sản xuất kinh doanh. Kết quả khảo sát cho thấy có tới 45/60 hộ gia đình trên địa bàn xã cho rằng với số vốn hiện có không đủ để mở rộng, phát triển sản xuất cao su của hộ. Vì vậy phần lớn các hộ có nhu cầu được vay vốn để đầu tư, phát triển sản xuất.

**Bảng 6: Số lượng và cơ cấu nguồn vốn đầu tư thời kỳ kiến thiết cơ bản của các hộ nông dân**

<b>Nguồn vốn</b>	<b>Số lượng (triệu đồng)</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
<b>Tổng số vốn</b>	<b>143,00</b>	<b>100,00</b>
1. Vốn vay	89,47	62,57
- Công ty	43,32	48,42
- Ngân hàng	29,68	33,17
- Bạn bè, gia đình	16,47	18,41
2. Vốn tự có	53,53	37,43

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2021).*

Qua số liệu điều tra (Bảng 6), vốn bình quân của một hộ đầu tư thời kỳ kiến thiết cơ bản là 143 triệu đồng, đây là số vốn đảm bảo cho việc xây dựng cơ bản vườn cao su, trong đó vốn tự có là 53,53 triệu đồng chiếm 37,43%, vốn đi vay là 89,47 triệu đồng chiếm đến 62,57% gồm có vay của công ty, ngân hàng và vay từ bạn bè, người thân. Trên địa bàn, Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ An đã khuyến khích sản xuất của các hộ bằng việc hỗ trợ vốn và vật tư đầu vào theo hình thức cho vay trong quá trình sản xuất với giá cả phù hợp. Các hộ gia đình có thể vay vốn từ công ty với lãi suất 0,78%/tháng trong 36 tháng và được trừ dần qua các tháng bán mủ cho Công ty.

#### *4.2.3. Thị trường tiêu thụ*

Các hộ gia đình trồng cao su không gặp khó khăn khi tiêu thụ sản phẩm của mình. Toàn bộ sản phẩm đều được bán ngay tại vườn qua hệ thống thu mua mủ của Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ An và qua một số thương lái. Tuy nhiên, giá bán mủ cao su hoàn toàn phụ thuộc vào giá của thị trường. Do ảnh hưởng cung vượt quá cầu của thị trường cao su thế giới nên giá cao su giảm trong nhiều năm gần đây và có thể còn thấp trong nhiều năm tới. Đây là yếu tố quyết định dẫn đến thu nhập trong sản xuất mủ cao su hàng năm là rất thấp.

Tuy nhiên, sản phẩm gỗ cao su sau thanh lý vườn cây lại có giá khá cao, khoảng vài trăm nghìn đến hơn 1 triệu đồng/cây. Mỗi ha gỗ thanh lý, hộ nông dân có thể thu vài trăm triệu đồng. Gỗ cao su hiện đang được sử dụng rất nhiều để chế biến đồ gỗ ngoài trời (đồ ngoại thất), không chỉ cho thị trường trong nước mà còn phục vụ xuất khẩu. Nhu cầu gỗ của thị trường vẫn tăng và mang lại nhiều lợi nhuận cho người trồng sau khi thanh lý vườn cây. Điều này cũng ảnh hưởng đến định hướng sản xuất cao su của hộ nông dân trong ngắn và dài hạn.

#### **4.3. Một số giải pháp chủ yếu phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân sản xuất cao su trên địa bàn thị xã Thái Hòa**

Nhìn chung, các thế mạnh của sản xuất cao su ở Thái Hòa bao gồm: điều kiện đất đai ba-dan phù hợp trồng

---

cao su, việc tiêu thụ mủ và gỗ cao su của hộ diễn ra nhanh chóng và dễ dàng. Tuy nhiên, những khó khăn, hạn chế hiện nay là: (i) Năng lực sản xuất cao su của nông dân còn hạn chế; (ii) Giá bán mủ cao su xuống rất thấp nên hiệu quả kinh tế hàng năm không cao; (iii) Diện tích cao su đang phải cạnh tranh với nhiều cây trồng khác nên cần mô hình canh tác phù hợp và bền vững.

Do vậy, các giải pháp chính nhằm phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân trên địa bàn thị xã Thái Hòa là:

#### *Nâng cao năng lực sản xuất cao su của hộ nông dân*

Người nông dân cần chủ động nâng cao trình độ sản xuất, kỹ thuật bằng việc thường xuyên tham gia tập huấn dưới sự hướng dẫn của cán bộ khuyến nông địa phương và Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ An. Thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật, thời vụ trồng và mật độ trồng, chăm bón cho từng thời kỳ để đảm bảo năng suất và chất lượng mủ.

Các hộ nông dân phải lựa chọn giống mới với các tiêu chí như năng suất mủ cao, ít nhiễm bệnh, chống chịu gió bão, thời gian kiến thiết cơ bản ngắn, phù hợp chất đất, sản lượng gỗ cao và được cung cấp chính thống từ các cơ quan có thẩm quyền và từ Công ty. Một số giống được Tập đoàn cao su Việt Nam đề xuất cho địa phương là RRIC 100, RRIC 121, RRIM 712, RRIV 103, RRIV 124.

Về vốn sản xuất: bản thân hộ nông dân phải chủ động phương thức làm ăn độc lập, tránh trông chờ sự hỗ trợ. Đồng thời phải tìm mọi biện pháp để huy động vốn, tranh thủ nguồn vốn của nhà nước, vốn vay ngân hàng, nguồn vốn công ty nhằm đảm bảo đúng với định mức kinh tế kỹ thuật nhằm phát huy tốt hiệu quả từ cây cao su. Nhà nước đã có những chính sách khuyến khích phát triển tín dụng nông thôn, hỗ trợ lãi suất cho các hộ sản xuất nông nghiệp, như: Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 17/VBHN-NHNN của Ngân hàng nhà nước, ... về các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

#### *Nâng cao hiệu quả kinh tế ngành cao su*

Tăng cường đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng vườn cây. Cần có kế hoạch thanh lý và trồng lại những vườn cây chất lượng kém, nhằm nâng cao năng suất bình quân cũng như tạo nguồn gỗ cao su xuất khẩu. Ngoài ra, thị xã đang khuyến khích phát triển mô hình trồng xen cao su “gỗ-mủ” nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và ổn định nguồn nguyên liệu.

Thị xã cần khuyến cáo các hộ nông dân không phát triển tự phát cây cao su mà nên theo quy hoạch vùng sản xuất, giảm tình trạng trồng ngoài vùng quy hoạch. Cần cung cấp thông tin thị trường một cách kịp thời để người dân được biết để thỏa thuận giá một cách phù hợp với đơn vị thu mua, cam kết qua hợp đồng để đảm bảo lợi ích đôi bên. Cần có các chính sách phù hợp khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương đầu tư công nghệ nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm cao su.

Về mặt vĩ mô, xuất khẩu cao su của Việt Nam mới chỉ là sản phẩm thô (như mủ khối sơ chế loại SVR3L là chủ yếu, rất ít mủ SVR10, SVR20), tiêu dùng cao su tự nhiên trong nước chỉ đạt 18,6% tổng sản lượng. Để khuyến khích tiêu thụ sản phẩm cao su, Nhà nước cần:

- Thúc đẩy tiêu thụ nội địa để chế biến sâu sản phẩm cao su tự nhiên trong nước thành các sản phẩm, phát triển các xưởng sản xuất nhỏ với các loại sản phẩm phù hợp, nâng cao chất lượng chế biến.
- Khuyến khích đầu tư vào sản xuất cao su và gỗ cao su theo hướng sản phẩm “chuẩn môi trường xanh”.
- Xây dựng chính sách thúc đẩy đầu tư các ngành công nghệ mũi nhọn sử dụng sản phẩm cao su, thúc đẩy thông tin và truyền thông để giảm sự biến động của giá cao su.

#### *Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi cho nông dân trồng cao su*

Để giảm bớt những rủi ro có thể xảy ra đối với nông dân trồng cao su, đa dạng hóa cây trồng vật nuôi và đa dạng hóa thu nhập của hộ là một trong những hướng cần thiết và hiệu quả. Là địa phương có diện tích trồng cây cao su tại nông hộ nhiều, Thái Hòa cần có các giải pháp phù hợp mang tính bền vững cho hộ như:

- Trồng cao su cần theo phương thức nông lâm kết hợp nhằm giúp nông dân thu lợi hàng năm (lấy ngắn nuôi dài) trong khi chờ cây cho mủ ổn định;
- Khuyến khích nông dân trồng xen các loại cây ngắn ngày, dài ngày như: cam, cà phê, dứa, mía... trên diện tích cao su tái canh. Ngoài ra cũng có mô hình canh tác hỗn hợp với cây cao su như nuôi ong, hay nuôi



---

lợn mán, trồng keo lai. Sự kết hợp này không những làm gia tăng giá trị sử dụng đất, chống xói mòn mà còn làm nền đất cao su có dinh dưỡng phong phú, nguồn nước tưới dồi dào, cây cao su phát triển tốt hơn so với chỉ trồng chuyên canh cao su.

## 5. Kết luận

Phát triển sản xuất cây cao su vừa là một nhu cầu khách quan vừa phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp bền vững của thị xã Thái Hòa nhằm phát huy lợi thế tự nhiên của thị xã. Tuy nhiên, do giá cao su thế giới xuống thấp, kéo dài, tổng diện tích cây cao su của thị xã giữ ổn định là 1.191 ha qua 3 năm 2018-2020 sản lượng mủ cao su đạt khoảng 700 tấn/năm.

Qua số liệu điều tra 60 hộ nông dân đang sản xuất cao su, kết quả cho thấy các hộ điều tra có xu hướng đầu tư phát triển cao su cả về quy mô và năng suất. Diện tích cao su tăng bình quân 12,88%/năm, hầu hết với quy mô trên 2 ha/hộ. Ngoài 2 giống cao su truyền thống là PB-260 và GT-1, nhiều hộ áp dụng trồng bổ sung giống mới PB-235. Năng suất mủ cao su bình quân tại các hộ điều tra là 1,74 tấn/ha, cao hơn năng suất bình quân của cả nước. Phần lớn sản lượng được bán cho Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ An, một số ít bán cho thương lái địa phương. Giá bán bình quân năm 2020 là 12.500 đồng/kg. Bình quân 1 ha cao su cho thu nhập hỗn hợp là 14,7 triệu đồng/ha, công lao động gia đình đạt 275 nghìn đồng/công.

Do thu nhập hàng năm từ cao su hiện rất thấp, diện tích trồng cao su đang bị cạnh tranh với các cây trồng khác và với xu hướng công nghiệp hóa – đô thị hóa tại địa phương. Tuy nhiên cuối chu kỳ, sản phẩm gỗ cao su có giá trị kinh tế rất cao. Do vậy, cây cao su được đánh giá là cây đa mục tiêu, đem lại cả hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.

Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân trên địa bàn thị xã Thái Hòa bao gồm: Điều kiện đất đai của địa phương; Năng lực sản xuất cao su của hộ nông dân như trình độ và khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật mới, nguồn vốn sản xuất; và Thị trường tiêu thụ. Để khuyến khích phát triển sản xuất cây cao su tại các hộ nông dân, một số giải pháp được đề xuất bao gồm: (i) Nâng cao năng lực sản xuất cao su của hộ nông dân; (ii) Nâng cao hiệu quả kinh tế ngành cao su; và (iii) Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi cho nông dân trồng cao su.

## Tài liệu tham khảo

- Anh Bình & Văn Lý (2021), ‘Sức sống cây cao su vùng Bắc Trung bộ’, *Trang tin của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 7 năm 2021, từ <<https://vnrubbergroup.com/tin-tuc/Suc-song-cay-cao-su-vung-Bac-Trung-bo>>.
- Nguyễn Thị Thu Hằng (2020), ‘Báo cáo ngành cao su tự nhiên’, *Hệ thống báo cáo phân tích của VCBS*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 6 năm 2021, từ <[http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/PhanTichBaoCao/Nganhcaosu\\_060120\\_VCBS.pdf](http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/PhanTichBaoCao/Nganhcaosu_060120_VCBS.pdf)>.
- Thành Châu (2018), ‘Phát triển bền vững vùng đất ba-dan Phù Quỳ’, *Báo nhân dân điện tử*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 6 năm 2021, từ <<https://nhandan.vn/tin-tuc-kinh-te/phan-trien-ben-vung-vung-dat-ba-dan-phu-quy-317107/>>.
- Thành Duy (2021), ‘Xây dựng thị xã Thái Hòa thành thành phố trực thuộc tỉnh trước năm 2030’, *Báo Nghệ An*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 7 năm 2021, từ <<https://baonghean.vn/xay-dung-thi-xa-thai-hoa-thanh-thanh-pho-truc-thuoc-tinh-truoc-nam-2030-287503.html>>
- Tô Xuân Phúc & Đặng Việt Quang (2017), ‘Liên kết giữa công ty và hộ để phát triển các vườn cao su tại Việt Nam. Cơ hội và rủi ro về thị trường’, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 7 năm 2021, từ <[https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Bao%20cao\\_Lien%20ket%20cong%20ty%20cao%20su%20-%20nguoi%20dan.pdf](https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Bao%20cao_Lien%20ket%20cong%20ty%20cao%20su%20-%20nguoi%20dan.pdf)>.
- Trần Đức Viên (2008), ‘Phát triển bền vững ngành cao su Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế’, tham luận trình bày tại hội thảo *Phát triển bền vững ngành cao su Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế*, Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương, Hà Nội, ngày 23 tháng 12.
- Ủy Ban nhân dân thị xã Thái Hòa (2020), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Kinh tế - Xã hội và Quốc phòng - An ninh năm 2020, nhiệm vụ năm 2021*, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.